

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
=====

**ĐỀ ÁN TỰ CHỦ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
TỪ NĂM 2017**

Hà Nội, 2 - 2017

Số: /ĐT-ĐN
V/v đề án tuyển sinh riêng năm 2017

Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 2017

Kính gửi: Bộ giáo dục và Đào tạo

Căn cứ điều 34 về Tổ chức tuyển sinh của Luật Giáo dục Đại học được Quốc hội thông qua ngày 18/06/2012;

Căn cứ công văn số 37/2017/ BGDĐT- GD ĐH ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc rà soát, cung cấp và công bố thông tin tuyển sinh hệ chính quy đại học năm 2017.

Căn cứ thông tư số 05/2017/ TT- BGDĐT ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy.

Trường Đại học Đại Nam đã xây dựng đề án tự chủ tuyển sinh năm 2017 với mục tiêu:

- Lựa chọn được nguồn sinh viên nhập học có chất lượng và phù hợp với nhu cầu, điều kiện của nhà trường;

- Đảm bảo tính khách quan, công bằng, không phát sinh tiêu cực;

- Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực, đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất đã được Hội đồng quản trị Trường Đại học Đại Nam đầu tư;

(Đề án tuyển sinh chi tiết được đính kèm theo công văn này)

Trường Đại học Đại Nam kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, tạo điều kiện thuận lợi và phê duyệt đề án để Nhà trường sớm triển khai thực hiện, góp phần vào sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo của đất nước.

Trân trọng

Nơi gửi:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT;
- BGH;
- Lưu ĐT, VP.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Lương Cao Đông

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

- Tên trường: Trường Đại học Đại Nam

- Sứ mệnh: Đào tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các lĩnh vực: Kinh tế; Kỹ thuật - Công nghệ; Khoa học Xã hội - Nhân văn; Y- Dược học và Ngoại ngữ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Địa chỉ:

Cơ sở chính: Số 1, Phố Xóm, phường Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội

Cơ sở 1: Số 56 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 35577799 - **Fax:** (04) 35578759

- Email: dnu@dainam.edu.vn

- Website: www.dainam.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy (ghi rõ số NCS, số học cao học, số SV đại học)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I				
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III	905 CH; 1424 ĐH			
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V	780 ĐH			
Nhóm ngành VI	2029 ĐH			
Nhóm ngành VII	327 ĐH			
Tổng (ghi rõ cả số NCS, cao học, SV ĐH, CĐ)	5465 (905 CH; 4560 ĐH)			

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trong 2 năm gần đây Trường Đại học Đại Nam thực hiện hai phương thức tuyển sinh như sau:

- Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia tại các cụm thi do các trường Đại học chủ trì (với một số ngành đặc thù Nhà trường xét kèm theo kết quả môn thi năng khiếu do Trường Đại học Đại Nam tổ chức thi).
- Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (PA1- lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia; PA2- lấy từ kết quả học tập lớp 12)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển (PA1/PA2)	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển (PA1/PA2)
Nhóm ngành III						
- Ngành Quản trị kinh doanh Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: Toán; Văn, Lý	140	128	15/18	150	33	15/18
- Ngành Tài chính ngân hàng Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: Toán; Văn, Lý	140	61	15/18	150	11	15/18
- Ngành Kế toán Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: Toán; Văn, Lý	140	106	15/18	150	38	15/18
- Ngành Quản trị kinh du lịch KS Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: C00	0	0		200	13	15/18
- Ngành Luật kinh tế Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: C00	200	199	15/18	200	61	15/18
Nhóm ngành V						
- Ngành Công nghệ thông tin Tổ hợp 1: A00 Tổ hợp 2: A01 Tổ hợp 3: D01 Tổ hợp 4: Toán; Tin	130	120	15/18	100	43	15/18

học, Tiếng Anh - Ngành Xây dựng <i>Tổ hợp 1: A00</i> <i>Tổ hợp 2: A01</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Hoá, Tiếng Anh</i> <i>Tổ hợp 4: Toán; Văn, Lý</i>	50	37	15/18	50	10	15/18
- Ngành Kiến trúc <i>Tổ hợp 1: v00</i> <i>Tổ hợp 2: Văn, Sử, Vẽ MT</i> <i>Tổ hợp 3: Văn, Địa, Vẽ MT</i> <i>Tổ hợp 4: Văn, Tiếng Anh, Vẽ MT</i>	50	14	15/18	50	0	15/18
Nhóm ngành VI - Ngành Dược học <i>Tổ hợp 1: A00</i> <i>Tổ hợp 2: A01</i> <i>Tổ hợp 3: D01</i> <i>Tổ hợp 4: Toán; Văn, Tiếng Anh</i>	300	316	16/18	300	358	15/18
- Ngành Điều dưỡng <i>Tổ hợp 1: A00</i> <i>Tổ hợp 2: B00</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Hóa, Tiếng Anh</i> <i>Tổ hợp 4: Toán; Hóa, Văn</i>	0	0	0	50	48	15/18
Nhóm ngành VII - Ngành Ngôn ngữ Anh <i>Tổ hợp 1: A01</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Sử, Tiếng Anh</i> <i>Tổ hợp 4: Văn, Sử, Tiếng Anh</i>	50	52	15/18	80	22	15/18
- Ngành Quan hệ công chúng <i>Tổ hợp 1: C00</i> <i>Tổ hợp 2: D01</i> <i>Tổ hợp 3: Toán, Sử, Văn</i> <i>Tổ hợp 4: Văn, Sử, Tiếng Anh</i>	50	40	15/18	120	22	15/18
Tổng	1300	1074	X	1600	660	X

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có đủ điều kiện tham gia tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Trường Đại học Đại Nam tổ chức xét tuyển theo 02 phương thức sau:

+ **Phương thức 1:** Sử dụng kết quả 03 môn từ kết quả kỳ thi THPT quốc gia hoặc sử dụng kết quả thi 02 môn từ kết quả kỳ thi THPT quốc gia và kết quả môn năng khiếu do trường Đại học Đại Nam tổ chức thi theo tổ hợp đăng ký để xét tuyển

+ **Phương thức 2:** Sử dụng kết quả 03 môn từ kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc sử dụng kết quả 02 môn từ kết quả học tập lớp 12 THPT và kết quả môn năng khiếu do trường Đại học Đại Nam tổ chức thi theo tổ hợp đăng ký để xét tuyển

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/ nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

TT	CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY	MÃ NGÀNH	CHỈ TIÊU	
			Sử dụng kết quả thi THPT	Sử dụng kết quả học tập lớp 12
1	Ngôn ngữ Anh	52220201	20	30
2	Quản trị kinh doanh	52340101	60	90
3	Tài chính - Ngân hàng	52340201	35	65
4	Kế toán	52340301	50	100
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	50	100
6	Quan hệ công chúng	52360708	35	65
7	Luật kinh tế	52380107	50	100
8	Công nghệ thông tin	52480201	30	100
9	Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	25	45
10	Kiến trúc	52580102	20	30
11	Dược học	52720401	100	200
12	Điều dưỡng	52720501	70	130
Tổng cộng			545	1055

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng:

+ Theo phương thức xét kết quả thi THPT quốc gia: theo quy định về ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ Giáo dục và đào tạo quy định.

+ Theo phương thức xét kết quả học tập lớp 12 THPT là tổng điểm trung bình học tập 03 môn học theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 18,0 điểm.

- Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển: *Đủ tiêu chuẩn xét tuyển theo quy chế tuyển sinh Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có hạnh kiểm lớp 12 từ loại khá trở lên;*

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã số trường: DDN

- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển:

TT	CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY	MÃ NGÀNH	TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN	MÃ TỔ HỢP MÔN
1	Ngôn ngữ Anh	52220201	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	D01 D09 D14 D11
2	Quản trị kinh doanh	52340101	Toán, Vật lý, Hóa học Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Lịch sử Toán, Địa lý, Tiếng Anh	A00 D01 C03 D10
3	Tài chính ngân hàng	52340201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh Toán, Khoa học tự nhiên, KH xã hội Toán, Ngữ văn, Giáo dục công dân	D01 D90 A12 C14
4	Kế toán	52340301	Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán, KH tự nhiên, Giáo dục công dân Toán, Ngữ văn, Giáo dục công dân	A01 D01 A15 C14
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	A00 A01 D01 C00
6	Quan hệ công chúng	52360708	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục công dân	C00 D15 C19 C20
7	Luật kinh tế	52380107	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý Toán, Lịch sử, Giáo dục công dân Toán, Địa lí, Giáo dục công dân Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân	C00 A08 A09 C19
8	Công nghệ thông tin	52480201	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Tiếng Anh, Tin học (*) Toán, KH tự nhiên, Giáo dục công dân Toán, Giáo dục công dân, Tiếng Anh	A00 A15 D84
9	Kỹ thuật công trình xây dựng	52580201	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Khoa học tự nhiên, KH xã hội Toán, KH tự nhiên, Giáo dục công dân	A00 A01 A12 A15

10	Kiến trúc	52580102	Toán, Vật lý, Vẽ mỹ thuật (*) Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật (*) Ngữ văn, Lịch sử, Vẽ mỹ thuật (*) Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật (*)	V00 V01
11	Dược học	52720401	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh vật Toán, Hóa học, Ngữ văn	A00 D07 B00 C02
12	Điều dưỡng	52720501	Toán, Vật lý, Hóa học Toán, Vật lý, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Sinh vật Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	A00 A01 B00 C00

(*) Môn thi năng khiếu:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Kiến trúc: thi môn vẽ mỹ thuật
- Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Công nghệ thông tin theo tổ hợp môn

Toán, Ngoại ngữ, Tin học: thi môn Tin học (theo chương trình tin học lớp 11, 12)

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/ thi tuyển, tổ hợp môn thi/ bài thi đối từng ngành đào tạo..

2.7.1. Hồ sơ xét tuyển:

- Đơn xin xét tuyển (theo mẫu của Đại học Đại Nam).
- Học bạ THPT (phô tô công chứng).
- Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (phô tô công chứng).
- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có)
- 02 Phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ của người nhận.

2.7.2. Thời gian nhận hồ sơ: theo các đợt tuyển

- Đợt 1: 15/2/2017 – 15/3/2017 dành cho các thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2016 trở về trước;

- Đợt 2: 01/5/2017 – 30/6/2017; Đối với thí sinh chưa có học bạ, bằng tốt nghiệp THPT sẽ nộp bổ sung học bạ, giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (phô tô công chứng) từ ngày 01/7/2016 – 15/07/2016

- Đợt 3: 20/7/2017 – 10/8/2017
- Đợt 4: 15/8/2017 – 30/8/2017
- Đợt 5: 10/9/2017 – 30/9/2017
- Đợt 6: 10/10/2017 – 30/10/2017
- Đợt 7: 10/11/2017 – 30/11/2017
- Đợt 8: 10/12/2017 – 20/12/2017

2.7.3. Phương thức và địa điểm nhận hồ sơ:

Địa điểm: Phòng Tuyển sinh – Trường Đại học Đại Nam, 56 – Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Phương thức:

- + Nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh - Trường Đại học Đại Nam.

+ Gửi phát nhanh qua bưu điện về: Hội đồng tuyển sinh – Trường Đại học Đại Nam, 56 – Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội. Số điện thoại: 04.3555 77 99

+ Đăng ký trực tuyến (online): Thí sinh vào website tuyển sinh của Trường (<http://dainam.edu.vn>; <http://tuyensinh.dainam.edu.vn>), để được cung cấp điền hồ sơ trực tuyến (online);

2.7.4. *Thi môn năng khiếu: Nhà trường sẽ tổ chức thi môn năng khiếu (áp dụng cho cả 2 phương thức xét tuyển: theo kết quả thi THPT quốc gia và theo kết quả học tập THPT lớp 12):*

+ Ngày thi:

Đợt 1: 06/08/2017

Đợt 2: 01/10/2017;

+ Lệ phí thi: 200,000đ/môn thi;

2.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Miễn lệ phí xét tuyển;

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; và, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có);

Học phí theo tháng (mỗi năm học 10 tháng) đối với từng ngành:

- Ngành Dược học : 2,400,000đ/tháng

- Ngành Điều dưỡng : 1,900,000đ/tháng

- Ngành Quản trị dịch vụ

du lịch và lễ hành : 1,500,000đ/tháng

- Các ngành còn lại : 1,200,000đ/tháng

Mức học phí duy trì ổn định trong toàn khóa học, trong trường hợp đặc biệt cần tăng học phí thì mức tăng không quá 10%;

3. Thông tin về các Điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

3.1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng máy tính	4 phòng với diện tích 826m ² , 224 máy tính,
2	Phòng lab mạng máy tính	70m ² với 7 máy chủ, 4 router sisco, nhiều thiết bị mạng và đường truyền..
3	Phòng thí nghiệm Hóa – Dược, Điều dưỡng	21 phòng với diện tích 1515m ² với đầy đủ các thiết bị thí nghiệm sinh – hóa – bào chế, phân tích, hóa dược, vi sinh, ký sinh...
4	Các phòng thực hành điều dưỡng	6 phòng thực hành điều

		dưỡng với 420 m2: Phòng thực hành điều dưỡng mô phỏng; phòng thực hành cơ bản; phòng thực hành tiền lâm sàng; phòng phục hồi chức năng, Y học cổ truyền và GDSK cộng đồng; phòng thực hành giải phẫu, sinh lý, mô phôi
5	Xưởng thực hành kỹ thuật	780m2
6	Ngân hàng thực hành	02 phòng với diện tích 286m2
7	Phòng giáo dục thể chất	01 phòng với trang thiết bị hiện đại
8	Thư viện	340m2
9	Nhà ăn sinh viên	1380m2
10	Ký túc xá	5000m2 với 1400 chỗ

3.1.2. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	8
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	43
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	26
5	Số phòng học đa phương tiện	3

3.1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
	Nhóm ngành I	-
	Nhóm ngành II	-
	Nhóm ngành III	1748
	Nhóm ngành IV	-
	Nhóm ngành V	1447
	Nhóm ngành VI	1288
	Nhóm ngành VII	1289

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu (file DDN_giangvien.xls)

4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 năm gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành I								
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III	1570		653		1707		1655	
Nhóm ngành IV								
Nhóm ngành V	430		224		443		434	
Nhóm ngành VI	650		722					
Nhóm ngành VII	300		136		76		75	
Tổng	2900		1735		2226		2160	

5. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm và chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm:

....

1. Tổng Doanh thu hợp lệ : 95 tỷ
2. Tổng Chi phí : 82 tỷ
3. Tính trên tổng bình quân SV: 5.000 SV (không bao gồm hệ cao học)
4. CP đào tạo bình quân / SV/ năm = 16.000.000đ/ SV

Hà Nội, Ngày 3 tháng 2 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lương Cao Đông